

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- Đ
TỈNH Đ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 03 - 4 - 2026
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- Đ, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh

2. Bà Lò Thị Hiêng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ, tỉnh Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2025/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2026/QĐST- HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị L. Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do);

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn M. Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị L và anh M lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2012 tại UBND xã M, huyện M1 (nay là xã M), tỉnh Đ. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, chị L, anh M đã sống ly thân

nhau từ tháng 5/2025. Chị L đã chuyển về nhà bố mẹ sinh sống tại bản G1, xã M1, tỉnh Đ, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, do tình cảm vợ chồng đã hết, có cố gắng hàn gắn cũng không có hạnh phúc. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Lò Văn D1, sinh ngày 13/02/2009; cháu Lò Xuân K, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lò Thị Thanh M, sinh ngày 12/11/2014. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; Các cháu hiện nay đều đang sinh sống cùng với chị L tại Bản G1, xã M1, tỉnh Đ.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Chị L đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của Tòa án, nhưng do công việc bận, nên không thể tham gia phiên tòa được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

2. *Đối với bị đơn anh Lò Văn M:* Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh M đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải, nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

3. *Tại văn bản xác minh tình trạng hôn nhân, UBND xã M cho biết:*

Anh Lò Văn M có đăng ký thường trú tại bản N, xã M nhưng hiện tại không có mặt trên địa bàn. Trong thời gian hai vợ chồng sinh sống tại địa phương, ban lãnh đạo tại bản N chưa bao giờ tham gia giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân và gia đình của chị L, anh M. Hiện nay các con của chị L, anh M không sinh sống tại bản N, xã M.

4. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I- Đ phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án thấy rằng Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đúng theo các quy định của BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS năm 2015,

sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Lò Thị L đối với anh Lò Văn M. Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn M.

Về con chung: Giao ba con chung là cháu Lò Văn D1, sinh ngày 13/02/2009; cháu Lò Xuân K, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lò Thị Thanh M, sinh ngày 12/11/2014, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị L không yêu cầu Tòa án phải giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1-Đ giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28/BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Bị đơn cư trú tại xã M, tỉnh Đ. Nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ.

Về việc vắng mặt của đương sự: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với anh M: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ, nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228/BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị L và anh M được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị L cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, chị và anh M đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M vắng mặt, không có ý kiến phản đối.

Xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh M cho đến nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do vậy cần xử cho chị L được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị L, anh M có ba con chung là cháu Lò Văn D1, sinh ngày 13/02/2009; cháu Lò Xuân K, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lò Thị Thanh M, sinh ngày 12/11/2014. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; Các cháu hiện nay đều đang sinh sống cùng với chị L tại Bản G1, xã M1, tỉnh Đ.

Xét thấy: Hiện các cháu Lò Văn D1, Lò Xuân K và Lò Thị Thanh M, đang sinh sống cùng chị L, các cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án, anh M cũng không có ý kiến gì về con chung. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn thì việc để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản và nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn M;

1.2. Về con chung: Chị Lò Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung là cháu Lò Văn D1, sinh ngày 13/02/2009; cháu Lò Xuân K, sinh ngày 04/9/2012 và cháu Lò Thị Thanh M, sinh ngày 12/11/2014, đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu

cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lò Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0000167 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273/BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, chị L, anh M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1- Đ;
- Đương sự;
- Thi hành án DS tỉnh Đ;
- Tòa án tỉnh Đ;
- UBND xã M (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thị Thúy Thành

